

Vietnam Daily Review

Phiên giăng co

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 23/11/2021		•	
Tuần 22/11-26/11/2021		•	
Tháng 11/2021			•

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường hôm nay trải qua một phiên giăng co trong khu vực 1443-1467. Kết phiên, VN-Index giảm hơn 5 điểm so với phiên hôm trước với thanh khoản tương đối lớn. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với số mã giảm áp đảo số mã tăng. Trong phiên giao dịch hôm nay chỉ 2/19 ngành tăng điểm, trong đó đáng chú ý là ngành Ngân hàng có mức tăng gần 3%. Hiện tại, VN-Index đang kiểm tra vùng hỗ trợ 1440-1450 điểm. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều điều tăng điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Các nhà đầu tư có thể canh mua các HĐTL ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 22/11/2021, các chứng quyền phân hóa khi thị trường cơ sở điều chỉnh. Giá trị giao dịch giảm mạnh.

Phân tích kỹ thuật: DNW_Tăng giá (Trang 2)

Điểm nhấn

- VN-Index **-5.10** điểm, đóng cửa **1,447.25** điểm. HNX-Index **-9.35** điểm, đóng cửa **444.62** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **CTG (+2.22)**, **VCB (+1.66)**, **BID (+1.23)**, **VIB (+1.16)**, **HDB (+1.16)**.
- Kéo chỉ số giảm: **GVR (-2.05)**, **GAS (-1.86)**, **PLX (-1.08)**, **BCM (-0.78)**, **GEX (-0.67)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **34,264** tỷ đồng, giảm **20.7%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 36,576 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 23 điểm. Thị trường có **127** mã tăng, 23 mã tham chiếu và **350** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **504.26** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VHM (136.97 tỷ)**, **CTG (82.23 tỷ)**, **GMD (74.68 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **934.21** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyễn Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

VN-INDEX **1447.25**
Giá trị: 34264.26 tỷ **-5.1 (-0.35%)**
Khối ngoại (ròng): 504.26 tỷ

HNX-INDEX **444.62**
Giá trị: 4817.13 tỷ **-9.35 (-2.06%)**
Khối ngoại (ròng): 934.21 tỷ

UPCOM-INDEX **111.96**
Giá trị: 3011.72 tỷ **-1.28 (-1.13%)**
Khối ngoại(ròng): 61.34 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	76.5	0.71%
Giá vàng	1,846	0.03%
Tỷ giá USD/VND	22,668	0.08%
Tỷ giá EUR/VND	25,553	-0.09%
Tỷ giá JPY/VND	19,856	-0.07%
LS liên NH 1 tháng	1.1%	9.77%
LS TPCP 5 năm	0.8%	-8.82%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VHM	137.0	VPB	-170.8
CTG	82.2	TPB	-82.6
GMD	74.7	HCM	-35.6
KBC	69.1	VNM	-23.8
VIC	57.4	GEX	-20.0
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 2
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Khuyến nghị dài hạn	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Phân tích kỹ thuật
DNW_Tăng giá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD cắt lên đường tín hiệu
- Chỉ báo RSI: vùng quá mua, xu hướng tăng.

Nhận định: DNW đang hình thành xu hướng tăng giá mạnh sau khi phá ngưỡng kháng cự 25.0. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt lên ngưỡng trung bình 20 phiên, đồng thuận với đà tăng giá của cổ phiếu. Chỉ báo MACD đang ủng hộ xu hướng tăng giá trong khi chỉ báo RSI cho thấy tín hiệu điều chỉnh nhẹ 1 đến 2 phiên. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên đường MA20 và MA50, cho thấy tín hiệu vận động tích cực. Nhà đầu tư có thể mở vị thế tại ngưỡng 27.0, chốt lãi tại ngưỡng 30.3 và cắt lỗ nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 26.5.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

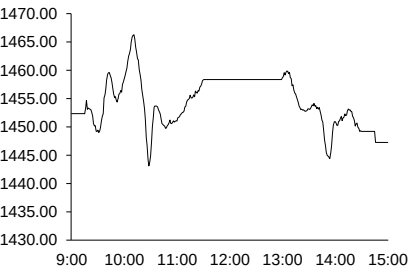
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Ngân hàng	2.99%
Tài nguyên Cơ bản	0.64%
Viễn thông	0.00%
Thực phẩm và đồ uống	-0.08%
Bán lẻ	-0.68%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.72%
Du lịch và Giải trí	-0.85%
Công nghệ Thông tin	-1.31%
Truyền thông	-1.53%
Bất động sản	-1.58%
Y tế	-1.64%
Dịch vụ tài chính	-1.96%
Bảo hiểm	-2.27%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-3.54%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-3.67%
Hóa chất	-4.44%
Xây dựng và Vật liệu	-4.93%
Ô tô và phụ tùng	-5.16%
Dầu khí	-5.99%

Hình 1

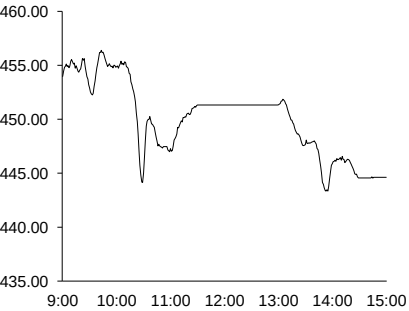
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
19/11/21	CSM	22.4	26.5	21	22.45	3	0.22%	Có thể tiếp tục mua
18/11/21	PAN	40	46	37	38.2	4	-4.50%	Có thể tiếp tục mua
17/11/21	TCM	80.4	95	77.2	82.1	5	2.11%	Có thể tiếp tục mua
16/11/21	NTP	62.8	72.1	59.5	60.5	6	-3.66%	Có thể tiếp tục mua
15/11/21	MWG	139.4	154.5	132	138.6	7	-0.57%	Có thể tiếp tục mua
11/11/2021	VCG	44.25	49.5	42	46.3	11	4.63%	Có thể tiếp tục mua
10/11/2021	HT1	25.5	29.3	23	23.45	12	-8.04%	Cần nhắc cắt lỗ sớm
8/11/2021	HAX	25.65	31.5	24.5	25.7	14	0.19%	Có thể tiếp tục mua
3/11/2021	KDC	59.8	66.5	54.5	59.6	19	-0.33%	Có thể tiếp tục mua
2/11/2021	SJS	69.4	77.5	64.5	71.4	20	2.88%	Có thể tiếp tục mua
28/10/21	PHC	16.5	19.5	14.5	17.3	25	4.85%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

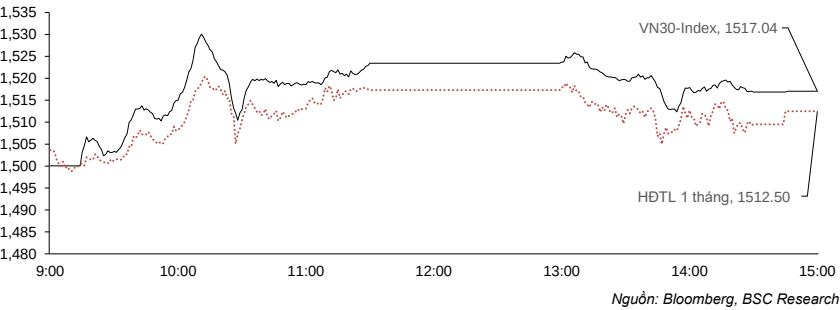
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
14/11/21	TIP	52.2	60.5	50.8	SL	8	-2.68%
9/11/2021	CTI	19.3	22.3	17.5	TP	6	15.54%
5/11/2021	NTC	179.7	200	170	TP	12	11.30%
4/11/2021	ANV	36.55	42.25	34.3	SL	18	-6.16%
1/11/2021	SSI	41.4	49.05	40	TP	18	18.48%
29/10/21	CSV	51.1	63	48	SL	24	-6.07%
27/10/21	FRT	51.1	58.3	48	TP	15	14.09%
26/10/21	DBC	60.9	69.4	58.5	TP	16	13.96%
25/10/21	BVH	64.5	72.5	60	SL	28	-6.98%
22/10/21	C4G	12.5	15	11.3	TP	17	20.00%
20/10/21	PHR	56.2	68.3	52.2	TP	16	21.53%
19/10/21	MBG	11.5	14.3	10.5	TP	9	24.35%
18/10/21	SD9	10.3	13.3	9	TP	4	29.13%
15/10/21	TDT	14.6	17.3	13.5	TP	12	18.49%
14/10/21	HVH	10.2	12.1	9.8	TP	27	18.63%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	6	5	2.48%	-3.42%	-0.20%	11
Cổ phiếu đã chốt	216	136	14.38%	-7.68%	5.86%	25

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



Hợp đồng tương lai							
CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2112	1512.50	0.67%	-4.54	-6.2%	150,039	12/16/2021	26
VN30F2201	1508.90	0.65%	-8.14	34.1%	515	1/20/2022	61
VN30F2203	1507.80	1.30%	-9.24	-62.9%	69	3/17/2022	117
VN30F2206	1502.30	0.46%	-14.74	-41.9%	54	6/16/2022	208

Nhận định:

- VN30 tăng 16.99 điểm lên 1517.04 điểm. Các cổ phiếu Ngân hàng như HDB, SSI, TPB, ACB, TCB tác động tích cực đến vận động của VN30. Chỉ số VN30 duy trì nhịp vận động trong vùng 1500-1530 điểm vào tuần sau khi thị trường đang nằm trong vùng trung thông tin.

- Các HDTL đều điều tăng điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ HDTL VN30F2201 tăng, các HDTL khác đều giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ HDTL VN30F2201 giảm, các HDTL khác đều tăng. Số lượng giao dịch và hợp đồng mở tăng cho thấy tín hiệu mua ở các HDTL ngắn hạn. Các nhà đầu tư có thể canh mua các HDTL ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHDB2103	4/27/2022	156	8:1	812,300	34.78%	1,000	1,160	28.89%	648	1.79	55,608	28,888	32,300
CMBB2104	1/19/2022	58	2:1	707,500	31.95%	2,900	940	13.25%	296	3.17	39,360	32,000	29,200
CSTB2105	1/10/2022	49	1:1	122,000	40.15%	4,000	1,980	11.86%	1,260	1.57	33,750	30,000	28,800
CTCB2107	12/27/2021	35	7:1	159,400	33.99%	1,850	1,600	5.96%	882	1.81	64,790	47,500	53,100
CACB2101	1/21/2022	60	4:1	501,100	32.37%	2,000	1,500	5.63%	901	1.66	37,560	31,400	34,150
CHPG2111	1/6/2022	45	5:1	1,258,200	34.29%	1,700	1,250	5.04%	562	2.23	50,800	48,000	48,650
CHPG2114	4/27/2022	156	10:1	225,500	34.29%	1,200	820	2.50%	196	4.18	79,789	56,789	48,650
CMWG2107	1/6/2022	45	5:1	308,000	31.61%	6,600	9,130	0.66%	3,624	2.52	187,000	165,000	138,600
CVNM2109	1/6/2022	45	9.83:1	143,500	20.78%	2,150	830	-1.19%	131	6.34	105,450	95,000	86,200
CMWG2104	3/22/2022	120	10:1	123,900	31.61%	2,400	7,870	-1.50%	7	1,134.01	141,700	135,000	138,600
CHPG2109	1/10/2022	49	1:1	38,000	34.29%	4,000	2,920	-2.67%	620	4.71	56,720	55,000	48,650
CVIC2105	1/6/2022	45	4.44:1	592,600	27.44%	3,250	650	-2.99%	1,091	0.60	109,242	120,000	94,800
CFPT2108	7/6/2022	226	4:1	10,200	25.99%	3,280	3,130	-3.69%	1,115	2.81	116,915	106,835	95,000
CFPT2105	1/6/2022	45	4.95:1	731,500	25.99%	3,500	2,810	-4.10%	2,181	1.29	100,935	86,000	95,000
CPNJ2104	1/7/2022	46	5:1	453,700	28.99%	2,400	990	-4.81%	2,097	0.47	127,000	110,000	104,000
CVNM2106	1/13/2022	52	10:1	48,800	20.78%	4,000	510	-5.56%	14	37.28	120,450	100,000	86,200
CVIC2104	1/7/2022	46	10:1	135,800	27.44%	2,000	480	-9.43%	1	424.78	140,600	124,000	94,800
CPNJ2107	2/10/2022	80	5:1	2,000	28.99%	2,500	1,210	-19.87%	730	1.66	146,900	110,000	104,000
CVRE2107	12/2/2021	10	4:1	584,800	33.29%	1,200	100	-33.33%	546	0.18	41,679	33,179	29,900
CMSN2106	12/2/2021	10	5:1	824,900	37.89%	1,500	120	-40.00%	2,701	0.04	185,579	160,779	149,900
Tổng				6,971,400	30.24%**								
Chú thích:													
Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi							
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn							
**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes							

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 22/11/2021, các chứng quyền phân hóa khi thị trường cơ sở điều chỉnh.

- CHPG2110 và CHPG2111 tăng trưởng tốt nhất, lần lượt là 75.00% và 28.89%. Giá trị giao dịch giảm mạnh -20.68%. CVIC2104 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 8.78% thị trường.

- CMWG2108, CMSN2107, CFPT2109, và CMWG2109 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CMWG2108, CMSN2107, CVHM2109, và CMBB2103 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2109, CMWG2108, và CMWG2109 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Top tăng điểm VN30			
CK	Giá	±giá (%)	Index pt
HDB	32.30	6.95	3.18
TPB	46.50	6.90	2.29
MBB	29.20	3.18	2.03
TCB	53.10	1.53	1.98
STB	28.80	3.23	1.75

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giảm điểm VN30			
CK	Giá	±giá (%)	Index pt
KDH	43.0	-6.32	-1.32
VRE	29.9	-1.97	-0.48
PLX	55.9	-5.89	-0.48
POW	13.1	-6.45	-0.46
GAS	102.1	-3.68	-0.41

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	138.6	-0.3%	0.9	4,296	6.7	6,130	22.6	5.3	49.0%	25.2%
PNJ	Bán lẻ	104.0	1.7%	1.0	1,028	1.9	4,214	24.7	4.3	48.2%	18.3%
BVH	Bảo hiểm	60.2	-1.5%	1.4	1,943	4.4	2,473	24.3	2.1	26.5%	8.9%
PVI	Bảo hiểm	46.7	-1.9%	0.5	476	1.7	4,211	11.1	1.5	56.3%	13.7%
VIC	Bất động sản	94.8	0.0%	0.7	15,684	8.8	1,248	76.0	3.6	13.6%	5.1%
VRE	Bất động sản	29.9	-2.0%	1.1	2,954	7.4	954	31.4	2.2	29.4%	7.4%
VHM	Bất động sản	81.0	0.6%	1.0	15,335	22.2	8,287	9.8	4.0	23.0%	40.3%
DXG	Bất động sản	24.7	-7.0%	1.3	640	17.6	1,299		1.7	29.2%	10.3%
SSI	Chứng khoán	48.6	0.2%	1.5	2,076	43.3	2,172	22.4	3.5	40.4%	19.4%
VCI	Chứng khoán	72.5	-2.0%	1.0	1,050	16.4	4,165	17.4	3.8	20.5%	26.7%
HCM	Chứng khoán	45.0	-3.4%	1.5	895	12.3	2,651	17.0	3.5	46.6%	22.1%
FPT	Công nghệ	95.0	-0.3%	0.9	3,748	6.9	4,443	21.4	5.1	49.0%	25.1%
FOX	Công nghệ	78.1	-0.3%	0.4	1,115	0.1	4,304	18.1	5.4	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	102.1	-3.7%	1.3	8,496	6.5	4,283	23.8	4.0	2.7%	17.6%
PLX	Dầu khí	55.9	-5.9%	1.5	3,088	7.5	2,650	21.1	2.9	17.2%	14.2%
PVS	Dầu khí	25.0	-5.7%	1.7	520	12.0	1,186	21.1	1.0	7.3%	4.6%
BSR	Dầu khí	20.5	-5.5%	0.8	2,763	12.9	(909)		2.0	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	98.5	-1.3%	0.4	560	0.1	6,020	16.4	3.6	54.4%	22.6%
DPM	Hóa chất	46.5	1.1%	0.8	791	7.9	4,018	11.6	2.0	9.3%	18.6%
DCM	Hóa chất	35.0	-2.5%	0.7	806	8.5	1,701	20.6	2.8	4.7%	13.7%
VCB	Ngân hàng	98.8	1.8%	1.1	15,932	4.4	5,697	17.3	3.3	23.6%	20.8%
BID	Ngân hàng	45.6	2.6%	1.3	7,965	9.8	2,449	18.6	2.2	16.6%	12.2%
CTG	Ngân hàng	34.5	5.2%	1.3	7,209	41.4	3,449	10.0	1.7	24.9%	18.6%
VPB	Ngân hàng	36.7	1.4%	1.2	7,093	27.3	2,781	13.2	2.6	15.2%	21.9%
MBB	Ngân hàng	29.2	3.2%	1.2	4,797	29.7	2,940	9.9	2.0	23.2%	21.7%
ACB	Ngân hàng	34.2	2.1%	1.0	4,012	13.6	3,599	9.5	2.2	30.0%	25.8%
BMP	Nhựa	58.5	-1.5%	0.7	208	0.1	2,574	22.7	2.1	84.3%	9.1%
NTP	Nhựa	60.5	-2.4%	0.5	310	1.4	3,574	16.9	2.6	18.6%	15.4%
MSR	Tài nguyên	26.7	-5.0%	0.7	1,276	1.1	39	684.6	2.1	10.1%	0.3%
HPG	Thép	48.7	1.4%	1.1	9,461	47.9	7,087	6.9	2.6	24.9%	45.6%
HSG	Thép	38.4	2.4%	1.4	824	12.3	8,806	4.4	1.8	10.1%	49.6%
VNM	Tiêu dùng	86.2	0.1%	0.6	7,833	13.1	4,511	19.1	5.8	54.6%	31.2%
SAB	Tiêu dùng	168.0	0.5%	0.8	4,684	1.1	5,883	28.6	5.1	62.8%	18.7%
MSN	Tiêu dùng	149.9	1.7%	0.9	7,694	4.1	2,031	73.8	8.2	32.3%	11.4%
SBT	Tiêu dùng	24.1	-7.0%	1.2	658	8.5	1,066	22.6	1.8	7.6%	8.3%
ACV	Vận tải	85.4	-1.3%	0.8	8,083	0.3	577	148.0	5.0	3.7%	3.4%
VJC	Vận tải	128.0	0.2%	1.1	3,014	4.4	279		4.1	16.8%	0.9%
HVN	Vận tải	23.0	-1.9%	1.7	2,214	4.3	(7,153)		N/A	5.8%	#VALUE!
GMD	Vận tải	48.2	-3.1%	1.0	631	11.7	1,443	33.4	2.5	40.0%	7.4%
PVT	Vận tải	23.0	-6.1%	1.4	324	3.8	2,443	9.4	1.5	13.7%	16.4%
VCS	Vật liệu xây dựng	121.0	1.7%	0.9	842	1.1	10,231	11.8	4.1	3.6%	42.0%
VGC	Vật liệu xây dựng	48.3	-6.9%	0.5	942	5.3	2,122	22.8	3.3	3.9%	14.7%
HT1	Vật liệu xây dựng	23.5	-6.9%	0.9	389	5.7	1,212	19.3	1.6	3.3%	8.2%
CTD	Xây dựng	68.5	-4.9%	1.0	220	4.9	727	94.2	0.6	45.1%	0.7%
CII	Xây dựng	27.5	-6.9%	0.7	286	13.8	12	2322.3	1.4	20.4%	0.1%
REE	Điện	64.5	-3.9%	-1.4	867	3.5	5,541	11.6	1.6	49.0%	14.7%
PC1	Điện	34.0	-6.8%	-0.4	339	3.4	2,804	12.1	1.7	6.1%	16.5%
POW	Điện	13.1	-6.5%	0.6	1,329	13.8	1,240	10.5	1.0	3.0%	10.0%
NT2	Điện	21.4	-5.3%	0.5	268	1.2	2,063	10.4	1.5	14.7%	14.5%
KBC	Khu công nghiệp	46.5	-7.0%	1.2	1,152	35.7	1,706	27.3	1.7	15.5%	7.2%
BCM	Khu công nghiệp	53.9	-5%	1.0	2,426	1.5			3.7	1.8%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CTG	34.50	5.18	2.12	27.85MLN
VCB	98.80	1.75	1.63	1.02MLN
BID	45.55	2.59	1.20	4.94MLN
HDB	32.30	6.95	1.09	13.19MLN
VIB	41.70	6.92	1.09	8.38MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
GVR	-0.01	-2.18	5.21MLN	1.11MLN
GAS	0.00	-1.93	1.44MLN	607060
PLX	-0.01	-1.17	3.03MLN	373600
BCM	-0.01	-0.83	641600	192700
GEX	-0.01	-0.72	21.81MLN	611640

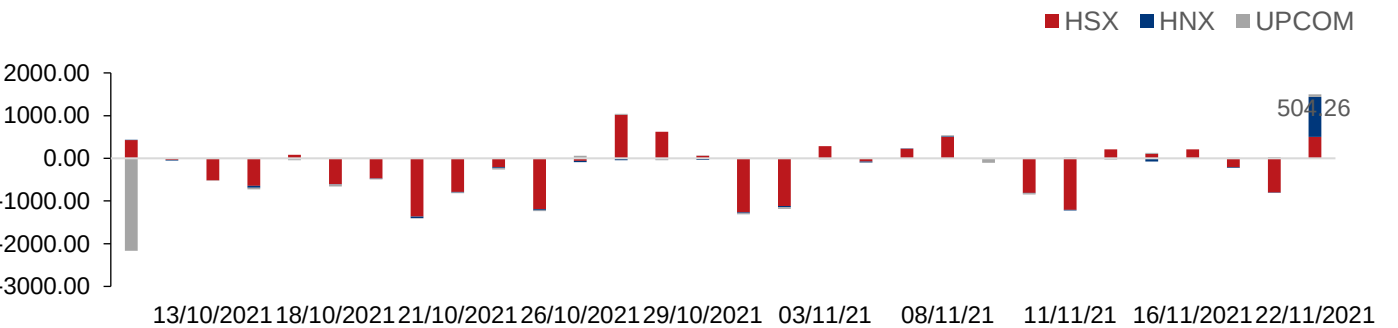
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HDB	32.30	6.95	1.09	13.19MLN
TGG	31.60	6.94	0.01	154700
VIB	41.70	6.92	1.09	8.38MLN
TPB	46.50	6.90	0.91	10.24MLN
TNH	56.00	6.87	0.04	3.10MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CKG	32.55	-7.00	-0.05	9.43MLN
DIG	65.10	-7.00	-0.63	10.20MLN
DLG	7.44	-7.00	-0.04	10.89MLN
HDC	93.00	-7.00	-0.16	1.02MLN
KBC	46.50	-7.00	-0.52	17.16MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	AGG	Bất động sản	Mua	19/05/21	62.1	N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	Click
2	ANV	Thủy sản	Mua	27/06/21	32.4	38.7	34.1	1,267	26.9	1.8	Click
3	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	20.5	-909	#N/A N/A	2.0	Click
4	C4G	Xây dựng	Mua	15/12/20	10.2	12.9	18.6	566	32.9	1.8	Click
5	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	N/A	29.4	-511	#N/A N/A	2.7	Click
6	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	46.9	3,855	12.2	1.9	Click
7	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	66.0	8,518	7.7	1.6	Click
8	DCM	Bán lẻ	Mua	1/4/21	17.5	21.1	35.0	1,701	20.6	2.8	Click
9	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	96.5	115.0	164.9	7,258	22.7	5.7	Click
10	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/21	92.1	110.3	140.0	4,942	28.3	8.5	Click
11	DPG	Bất động sản	KQ	10/6/21	39.3	N/A	88.2	5,988	14.7	4.4	Click
12	DPM	Bán lẻ	Mua	11/3/21	19.1	23.0	46.5	4,018	11.6	2.0	Click
13	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	33.3	2,633	12.6	2.3	Click
14	DXG	Bất động sản	Mua	10/5/21	23.4	30.2	24.7	1,299	19.0	1.7	Click
15	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	22.9	839	27.3	1.4	Click
16	FPT	CNTT	KQ	18/8/21	93.8	107.0	95.0	4,443	21.4	5.1	Click
17	GAS	Dầu khí	Mua	6/9/21	90.4	109.4	102.1	4,283	23.8	4.0	Click
18	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	48.7	7,087	6.9	2.6	Click
19	HSG	VLXD	Theo dõi	14/5/21	37.4	47.8	38.4	8,806	4.4	1.8	Click
20	HUT	XD-BDS	Theo dõi	20/5/21	6.5	7.6	14.1	-1,113	#N/A N/A	1.3	Click
21	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	19.7	1,251	15.7	1.4	Click
22	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	N/A	43.0	1,856	23.2	2.8	Click
23	LHG	BDS khu CN	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	48.0	6,706	7.2	1.7	Click
24	LTG	Nông nghiệp	Mua	23/3/21	35.8	41.8	37.5	3,858	9.7	1.1	Click
25	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	97.9	8,024	12.2	3.2	Click
26	MWG	Bán lẻ	Mua	10/9/21	118.9	140.4	138.6	6,130	22.6	5.3	Click
27	NKG	Thép	Nắm giữ	1/9/21	39.5	46.5	42.5	9,467	4.5	1.8	Click
28	NLG	Bất động sản	KQ	5/8/21	43.8	46.4	57.8	4,788	12.1	2.3	Click
29	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	21.4	2,063	10.4	1.5	Click
30	PC1	Điện	Mua	7/6/21	26.8	32.8	34.0	2,804	12.1	1.7	Click
31	PET	Bán lẻ	Mua	2/3/21	17.7	21.2	29.8	2,201	13.5	1.5	Click
32	PNJ	Bán lẻ	Mua	2/3/21	84.7	100.4	104.0	4,214	24.7	4.3	Click
33	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	13.1	1,240	10.5	1.0	Click
34	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	26.6	0	295.3	0.8	Click
35	REE	Điện	Mua	19/3/21	56.2	68.5	64.5	5,541	11.6	1.6	Click
36	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	24.1	1066.2	22.6	1.8	Click
37	SCS	Hàng không	Theo dõi	4/1/21	128.5	155.0	144.0	10,526	13.7	7.0	Click
38	SGP	Cảng biển	Mua	13/7/21	21.1	25.0	35.1	1,064	33.0	3.6	Click
39	SMC	Bán lẻ	Mua	13/5/21	39.6	48.6	42.8	16,115	2.7	1.1	Click
40	VGT	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	23.8	570	41.8	1.9	Click
41	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	60.5	4,475	13.5	1.9	Click
42	VNM	Tiêu dùng bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	86.2	4,511	19.1	5.8	Click
43	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	36.7	2,781	13.2	2.6	Click
44	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	29.9	954	31.4	2.2	Click
45	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	44.6	3306.9	13.5	2.2	Click
46	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	28.7	1,559	18.4	1.8	Click
47	VTP	BCVT	Mua	28/4/21	80.5	87.1	78.0	3,256	24.0	6.7	Click



Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
2	Vĩ Mô Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
3	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
4	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
5	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
6	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
8	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
9	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
10	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
12	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
13	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
14	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
15	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
16	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
17	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
18	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
19	Banking Sector Outlook		x	Click
20	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
21	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
22	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
23	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
24	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
25	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
26	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
27	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
28	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
29	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
30	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
31	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
32	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
33	Fishery Outlook 2021		x	Click
34	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
35	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
36	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
37	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
38	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
39	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
40	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639